TAND HUYỆN LỤC NAM **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**
Số: 286/2018/QĐST-HNGĐ	*Lục Nam,ngày 25 tháng 9 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 34/2018/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 1 năm 2018 giữa:

Nguyên đơn: Anh Vũ Thành T , sinh năm 1983.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1988

Đều địa chỉ: Thôn T1, xã V, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:

Bà Dương Thị P, sinh năm 1955

Địa chỉ: Thôn T1, xã V, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 59, 61, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ, khoản 1 Điều 12, Điều 26 Nghị quyết 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn , giảm, thu , nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 9 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 09 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Anh Vũ Thành T và chị Nguyễn Thị H

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Giao cho anh Vũ Thành T trực tiếp nuôi con chung Vũ Quang M, sinh ngày 22/3/2012 và chị H trực tiếp nuôi con Vũ Quang D, sinh ngày

20/6/2015. Cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét, giải quyết. Sau khi ly hôn anh T, chị H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở anh T, chị H thực hiện quyền này.

- Về tài sản chung và nợ chung: Giao cho bà P và anh T quản lý, sử dụng các tài sản gồm: 01 nhà 2 tầng cấp 3 loại 2 có diện tích 151,38m^2 trị giá 416.446.000 đồng, tường vành lao có diện tích 31,2m^2 trị giá 7.185.000 đồng, 01 cổng có 2 cánh sắt (01 cột cổng trị giá 805.000 đồng, 2 cánh cửa sắt trị giá 959.000 đồng), 01 nhà bếp trị giá 2.097.000 đồng, 01 chuồng lợn trị giá 2.226.000 đồng, 80,4m^2 sân trị giá 213.000 đồng, 01 tủ lạnh trị giá 1.500.000 đồng. Tổng trị giá các tài sản là 431.431.000 đồng theo biên bản định giá tài sản ngày 18/5/2018. Anh T và bà P có trách nhiệm chia cho chị H số tiền 50.000.000 đồng. Được thanh toán làm 2 lần

Lần 1: Ngày 25/11/2018 thanh toán số tiền 30.000.000 đồng.

Lần 2: Ngày 15/2/2019 thanh toán số tiền 20.000.000 đồng.

-Về án phí: Anh T và bà P được quản lý và sử dụng các tài sản có tổng trị giá 381.431.000đồng. Án phí chia tải sản là (381.431.000 đồng x 5%) : 2 = 9.535.775đồng . Anh T phải chịu ½ án phí chia tài sản sau ly hôn là 4.767.887đồng và 75.000 đồng án phí ly hôn được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại biên lại thu số 0002971 ngày 15/1/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L. Anh T còn phải nộp 4.542.887đồng.

Bà P đã trên 60 tuổi nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Chị H phải chịu 75.000đồng án phí ly hôn và 1.250.000đồng án phí chia tài sản sau ly hôn được trừ vào số tiền 10.000.000đồng đã nộp tại biên lai thu số 0003033 ngày 05/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L. Hoàn trả chị H 8.675.000đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục Pc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKS L;
- UBND xã V;
- Chi cục THADS huyện L;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Hoàng Văn Toan